

Bản án số: 114/2021/HNGĐ-ST

Ngày 01/9/2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Lý Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thanh Hảo - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐ-ST ngày 30/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh ngày 30/10/1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn M, sinh ngày 22/4/1992 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện nay đang lao động tại nước ngoài).

Địa chỉ cuối cùng của anh M tại Việt Nam tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là chị Trương Thị H trình bày:

Trước khi kết hôn hai anh chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Hai vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 09/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang, nơi anh M đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị về nhà anh M làm dâu ngay. Sau khi kết hôn một thời gian anh M sang Đài Loan lao động ngay, chị sinh sống cùng bố mẹ chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hai vợ chồng vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm nhưng đến cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 11 năm 2020 đến nay chị và anh M không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Ngô Văn M.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Ngô Văn Hải L, sinh ngày 18/10/2017. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Ngô Văn M là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nên không có lời khai.

Tại biên bản làm việc ngày 20/7/2021 và 09/8/2021, bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ anh Ngô Văn M cung cấp: Anh M hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Về quan hệ hôn nhân bà cho biết đúng như chị H trình bày: Hai vợ chồng anh M, chị H đăng ký kết hôn ngày 09/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh M và chị H có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chị H đã về gia đình bà làm dâu ngay. Sau khoảng 10 ngày anh M làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Chị H chung sống với gia đình chồng từ đó đến nay, bà cũng không biết các con có mâu thuẫn gì. Chị H tự ý bỏ về nhà để sinh sống từ tháng 7/2021 đến nay. Việc mâu thuẫn của chị H, anh M bà không nắm được. Bà có thông báo cho anh M biết việc chị H có đơn xin ly hôn anh M, anh M có trao đổi qua điện thoại nói là không đồng ý bỏ vợ, bỏ con. Việc chị H đề nghị nuôi con chung thì gia đình bà có ý kiến để cháu cho gia đình bà nuôi dưỡng vì chị H đi làm không có thời gian chăm con.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Trương Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Ngô Văn M đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02, nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Trương Thị H; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh Ngô Văn M và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Trương Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Ngô Văn M không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh M; Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt anh M là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và khoản 2 Điều 123, điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị H.

Xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Ngô Văn M.

Về con chung: Do anh M hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Ngô Văn Hải L, sinh ngày 18/10/2017 cho chị Trương Thị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trương Thị H.

Đối với bị đơn anh Ngô Văn M vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang lập biên bản với mẹ đẻ của anh M là bà Nguyễn Thị H để giao thông báo thụ lý vụ án, đề nghị bà Hội thông báo cho anh M biết về việc Tòa án nhân dân

tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Trương Thị H và anh Ngô Văn M. Bà Nguyễn Thị Hội cho biết anh M vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh M không cung cấp cho gia đình địa chỉ cụ thể của anh M tại Đài Loan cho Tòa án. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trương Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Ngô Văn M. Theo Công văn trả lời số 15677/QLXNC- P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 13/7/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an, thì anh M xuất nhập cảnh 03 lần, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 29/6/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh M được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, nơi cư trú cuối cùng của anh M ở Việt Nam là thôn Ngọc Sơn, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Theo chị H trình bày: Chị và anh Ngô Văn M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày 09/11/2017. Sau khi kết hôn chị về nhà anh M làm dâu ngay, một thời gian anh M sang Đài Loan lao động ngay, chị sinh sống cùng bố mẹ chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hai vợ chồng vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm nhưng đến cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 11 năm 2020 đến nay chị và anh M không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Ngô Văn M.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị H với anh Ngô Văn M. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh M chung sống với nhau được một thời gian cùng với bố mẹ chồng, sau đó anh M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng vẫn hòa thuận, nhưng từ tháng 11 năm 2020 đến nay do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh M được ly hôn. Do đó, cần xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều

51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh M .

[4]. Về nuôi con chung: Chị H và anh M có 01 con chung là cháu Ngô Văn Hải L, sinh ngày 18/10/2017. Hiện nay đang sinh sống cùng chị H và do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị H xin được nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh M đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh M từ khi đi nước ngoài thì con chung vẫn do chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu L phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Do đó căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị H về nuôi con chung. Giao cho chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Ngô Văn Hải Lương, sinh ngày 18/10/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn anh Ngô Văn M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh Ngô Văn M về Việt Nam, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung anh M có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều

147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trương Thị H được ly hôn anh Ngô Văn M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Ngô Văn Hải L, sinh ngày 18/10/2017 cho chị Trương Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Ngô Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Ngô Văn M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000067 ngày 01/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trương Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Ngô Văn M hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã C, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

